

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/DS-ST
Ngày 09-9-2024
V/v “Tranh chấp tiền hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Huỳnh Việt Hằng
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Công Đăng.
Ông Châu Hoàng Huy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp tiền hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung K, là trợ giúp viên pháp lý (có mặt).

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị D.

2. Ông Võ Văn H.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

(Ông T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông H và bà D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2024 và đơn yêu cầu ngày 09/9/2024, nguyên đơn ông Lý Văn T trình bày: Vợ chồng ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị D có mở một số dây hội, ông có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị D và ông Võ Văn H làm chủ. Hàng tháng ông đóng tiền hội đầy đủ nhưng đến tháng 3 năm 2024 âm lịch bà Nguyễn Thị D tuyên bố đình hội không tiếp tục khai hội

và gom hụi và cũng không trả tiền hụi lại cho ông. Ông tham gia chơi dây hụi mở ngày 16 tháng 5 năm 2023 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, tổng số 26 chung, ông tham gia chơi 01 chung. Trong danh sách hụi bà Nguyễn Thị D ghi tên là “8 T”. Ông đã đóng hụi cho bà Nguyễn Thị D từ ngày 16 tháng 5 năm 2023 âm lịch đến ngày 16 tháng 01 năm 2024 âm lịch là 09 tháng với số tiền là 09 tháng x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Ông có gọi điện nhiều lần và đã đến nhà yêu cầu ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị D trả tiền cho ông nhưng bà D, ông H hứa hẹn rồi cố tình né tránh đến nay không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D và ông Võ Văn H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền hụi là 18.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Trung K trình bày: Theo lời trình bày của ông Lê Văn T1 thì vợ chồng ông H có mở một dây hụi vào ngày 16/5/2023 loại hụi 2.000.000 đồng với tổng số 26 chân và ông T1 có tham gia chơi 01 chân, đã đóng được 9 tháng và mỗi tháng đóng số tiền khác nhau. Khi hụi bể thì bản thân tôi có gọi điện nhiều lần đến vợ chồng ông H, bà D yêu cầu trả lại số tiền đã đóng hụi nhưng vợ chồng ông H hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện. Khi ông T1 làm thủ tục khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện U và đã được thụ lý giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần để cho 02 bên ngồi lại và thống nhất phương án giải quyết vụ án nhưng bên phía vợ chồng ông H cố tình trốn tránh không thực hiện theo giấy mời của tòa án huyện U, từ đó, cho thấy vợ chồng ông H muốn trốn tránh trách nhiệm trả lại số tiền hụi cho ông T1. Từ những nội dung trên căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 điều 15, 16, 17, 18, 23 Nghị định 19/2019 của Chính phủ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T1 buộc vợ chồng ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị D trả số tiền là 18.000.000 đồng.

- Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn H đúng theo quy định pháp luật nhưng bà D, ông H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ông Lý Văn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn H trả tiền hụi, quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp tiền hụi*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn H đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do, ông T có đơn

yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K, bà D, ông H theo quy định.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, ông Lý Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D, ông H trả tiền hội mà ông đã đóng cho bà D, ông H do bà D, ông H đã tuyên bố đình hội với số tiền là 18.000.000 đồng. Việc ông Lý Văn T có tham gia chơi hội do bà D làm chủ là có thật thể hiện tại “HỢP ĐỒNG CHƠI HỘI” ngày 16/5/2023 trong danh sách hội tại cột số thứ tự 13 ghi tên “8 Triệu”; Tại “Đơn xin xác nhận ngày 09/9/2024 thể hiện ông Lý Văn T, sinh năm: 1983 có tên gọi khác 8 T, ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà D, ông H biết việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền hội là 18.000.000 đồng nhưng bà D, ông H không có văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn ông T, điều này thể hiện ông T có tham gia hội của bà D, ông H làm chủ là thực tế có xảy ra. Tuy nhiên, xét số tiền ông Lý Văn T yêu cầu bà D, ông H trả với số tiền 18.000.000 đồng là chưa phù hợp, bởi lẽ theo thỏa thuận của hợp đồng chơi hội thì chủ hội được hưởng 1.000.000 đồng tiền hoa hồng từ hội viên. Ông Lý Văn T tham gia 01 chung, như vậy số tiền bà D, ông H được hưởng là 1.000.000 đồng đối trừ với số tiền nợ hội thì bà D còn nợ ông Lý Văn T số tiền là 17.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu của ông Lý Văn T với số tiền là 17.000.000 đồng.

Đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của bà D với ông H. Do đó, buộc bà D, ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý Văn T số tiền hội là 17.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn H cùng liên đới phải chịu án phí đối nghĩa vụ phải thanh toán là $17.000.000 \times 5\% = 850.000$ đồng.

Đối với số tiền không được chấp nhận ông T không phải nộp án phí do thuộc trường hợp được miễn án phí, có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn H trả tiền hội.

Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý Văn T số tiền hui là 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn H trả số tiền 1.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn H cùng liên đới phải chịu 850.000 (T2 trăm năm mươi nghìn) đồng, chưa nộp.

Ông Lý Văn T không phải chịu án phí. Hoàn trả ông Lý Văn T tạm ứng án phí đã nộp số tiền 450.000 (Bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006450 ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng